

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-PT.

Ngày: 30 - 12 - 2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng ruộng đất nông nghiệp và tiền hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Hủy quyết định thu hồi đất.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Đoàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:** Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng ruộng đất nông nghiệp và tiền hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Hủy quyết định thu hồi đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa:

\* **Nguyên đơn:** Ông Trần Như Q (Trần Văn Q1), sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

\* **Bị đơn:** Ông Lê Đức T (Lê Văn T1), sinh năm 1949. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ trụ sở: Số G, đường T, thị trấn

Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T2 - Chủ tịch UBND huyện K.

2 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K; địa chỉ trụ sở: Số I N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Bá N - Giám đốc Trung tâm.

3. UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành G - Chủ tịch UBND xã K.

4. Bà Mai Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

5. Chị Trần Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

6. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

7. Chị Trần Thị N1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

8. Anh Trần Văn X, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà B, chị H, chị H1, chị N1 và anh X: Ông Trần Như Q, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

9. Ông Trần Văn Q2, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Bà Đ ủy quyền cho ông Q2, vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

11. Anh Lê Văn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

12. Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

13. Chị Lê Thị Thúy L1, sinh năm 1981 địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, anh K, anh Đ1, chị L1: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

\* Người kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Đức T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

\* Ông Trần Như Q trình bày: Năm 1993 gia đình ông có 06 khẩu được giao chia ruộng đất nông nghiệp gồm: Ông cùng vợ bà Mai Thị B và các con chị Trần Thị H, chị Trần Thị H1, chị Trần Thị N1 và anh Trần Văn X. Tổng diện tích đất sử dụng là 4.165m<sup>2</sup> bao gồm đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp (trong đó có thửa số 82, tờ bản đồ 2a, diện tích 828m<sup>2</sup> ở sù đồng K). Ngày 15/4/1994 đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn Q1.

Năm 1998 hộ ông và hộ ông T có thỏa thuận đổi ruộng cho nhau, cụ thể hộ ông đổi 1,1 sào ở K (Đ) lấy 2,1 sào ở Đ của hộ ông T. Việc chuyển đổi ruộng này là sang ngang, gia đình ông không phải bù ruộng cho gia đình ông T vì ruộng ở Khúc Vĩ của gia đình ông là ruộng đẹp, năng suất, còn ruộng ở Đ là khu vực trũng, khó canh tác. Giấy đổi ruộng này có chữ ký của ông, ông T và người làm chứng là ông Trần Văn D là xóm trưởng xóm I, thôn Đ, xã K. Tại thời điểm đổi ruộng, thì ruộng của hai bên đều sử dụng vào mục đích trồng lúa, không có tài sản, hoa màu trên đất. Sau khi chuyển đổi ruộng cho nhau, hai gia đình không ra xã báo cáo hay đề nghị gì để chỉnh lý tên trong hồ sơ sổ sách địa chính. Sau khi chuyển đổi ruộng, hộ ông đã nhận 2,1 sào ở Đ của gia đình ông T để đào ao, còn hộ ông T nhận 1,1 sào ở K của gia đình ông để trồng lúa. Năm 2000 gia đình ông T đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 1,1 sào ở K mà trước đó đã đổi của gia đình ông, còn gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2,1 sào ở Đ. Ngày 21/5/2020 ông và ông T đã làm lại biên bản chuyển đổi ruộng cũng với nội dung gia đình ông đổi 1,1 sào ở K (Đ) lấy 2,1 sào ở Đ của gia đình ông T. Mục đích ông và ông T viết lại giấy này là để khẳng định việc đổi ruộng giữa hộ ông và hộ ông T là thật. Sau khi đổi ruộng cho hộ ông T và các hộ khác, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ ông dồn về khu vực Đ, với tổng diện tích sử dụng là 2,76 mẫu. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, gia đình ông đã đào ao, thả cá phát triển kinh tế VAC ở khu Đ.

Năm 2017, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất ở khu vực Đ để xây dựng và phát triển khu D. Tuy nhiên năm 2018, UBND huyện K ra Quyết định về việc thu hồi 756m<sup>2</sup> đất lúa của hộ ông Lê Văn T1 (Nguyễn Thị L) ở Đ mà trước đó gia đình ông T1 đã chuyển đổi lấy 1,1 sào ở Đ là ảnh hưởng đến quyền lợi của

gia đình ông. Vì diện tích đất nông nghiệp này gia đình ông đã sử dụng ổn định, đóng thuế đầy đủ từ năm 1998 nên gia đình ông được đền bù mới đúng. Do vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông và hộ ông Lê Văn T1 năm 1998 và được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 124.740.000đồng.

\* Bị đơn ông Lê Đức T; người uỷ quyền của ông T bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1993 gia đình bà gồm 05 khẩu được giao chia ruộng đất nông nghiệp gồm: Ông Lê Đức T, bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn K, anh Lê Văn Đ1 và chị Lê Thị Thúy L1 với tổng diện tích được giao chia là 3.222m<sup>2</sup> (trong đó có thửa số 1, tờ bản đồ 6, diện tích 756m<sup>2</sup> ở cánh đồng Đ). Ngày 15/4/1994 đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn T1.

Năm 1998, Nhà nước có chính sách làm kinh tế VAC, trong đó xã K có đất nông nghiệp ở xứ Đ được phép chuyển dịch để làm kinh tế VAC thì ông Trần Như Q đến nhà bà hỏi mua đất nông nghiệp ở xứ Đ nhưng gia đình bà không bán. Gia đình bà đã đổi ruộng cho gia đình ông Q. Cụ thể gia đình bà đổi 756m<sup>2</sup> (2,1 sào) đất nông nghiệp ở Đ lấy 396m<sup>2</sup> (1,1 sào) ở K của gia đình ông Q. Việc đổi ruộng giữa gia đình bà và gia đình ông Q không lập văn bản giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng. Tại thời điểm đổi ruộng năm 1998, vợ chồng bà đều đồng ý đổi ruộng cho gia đình ông Q, còn các con bà không có ý kiến gì. Vào thời điểm đổi ruộng, giữa gia đình bà và gia đình ông Q có thỏa thuận là đổi 2,1 sào lấy 2,1 sào nhưng do gia đình ông Q chỉ còn 1,1 sào ở K nên gia đình bà nhận 1,1 sào ở K của gia đình ông Q, còn 1 sào gia đình bà yêu cầu gia đình ông Q trả gia đình bà ở cánh đồng khác nhưng sau đó gia đình ông Q không còn ruộng để trả cho gia đình bà vì gia đình ông Q đã đổi hết ruộng cho các hộ khác. Sau khi đổi ruộng cho hộ ông Q, gia đình bà sử dụng 1,1 sào đất nông nghiệp ở K và đóng thuế đầy đủ, còn gia đình ông Q sử dụng 2,1 sào đất nông nghiệp ở Đ và đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp đầy đủ. Sau khi đổi ruộng cho nhau, hai gia đình không ra xã báo cáo hay đề nghị gì để chỉnh lý tên trong hồ sơ sổ sách địa chính. Năm 2013, Nhà nước thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa thì gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1,1 sào ở K, còn 1 sào ở Đ vẫn ở trong ao của gia đình ông Q vẫn đứng tên gia đình bà từ năm 1994. Gia đình ông Q chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2,1 sào đất nông nghiệp ở Đ mà năm 1998 đã đổi của gia đình bà.

Đối với biên bản đổi ruộng ngày 21/5/2020, với nội dung ông Q đổi 1,1 sào ở Đ (K) lấy 2,1 sào ở Đ của gia đình bà để tạo điều kiện cho ông Q làm kinh tế VAC. Biên bản này do ông Q viết, có chữ ký của ông Q và ông T1, phía bên dưới ông T1 còn viết thêm có diện tích ruộng cấy ở Đ là 2,1 sào đổi cho ông Q 1,1 sào về Đ, còn 1 sào vẫn ở trong ao của ông Q. Biên bản này không có chữ ký



của bà, con các con của bà, vợ con ông Q hay người làm chứng khác. Chữ ký, chữ viết trong biên bản của ông Q, ông T1, bà không yêu cầu giám định chữ ký.

Năm 2017, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất ở khu vực Đồng cỏ để xây dựng và phát triển khu D. Hộ bà có 1 sào đất nông nghiệp ở khu vực Đ bị thu hồi. Đây là diện tích đất nông nghiệp mà năm 1998, gia đình bà đổi cho gia đình ông Q để làm VAC. Tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T1 (Nguyễn Thị L) thì gia đình tôi bị thu hồi 756m<sup>2</sup> đất lúa tại thửa đất số 1, tờ bản đồ 6 với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 124.740.000 đồng, cụ thể:

\* Bồi thường đất đai: Đất trồng lúa: 756m<sup>2</sup> x 50.000đồng/m<sup>2</sup> = 38.800.000đồng.

\* Chính sách hỗ trợ: 86.940.000 đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống (15.000 đồng/m<sup>2</sup>): 756m<sup>2</sup> x 15.000 đồng/m<sup>2</sup> = 11.340.000 đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (bảng 02) lần giá đất nông nghiệp): 756m<sup>2</sup> x 100.000 đồng/m<sup>2</sup> = 75.600.000 đồng.

Sau đó, ngày tháng năm bà không nhớ, gia đình bà đã nhận số tiền bồi thường là 59.400.000 đồng tương đương với 1 sào (360m<sup>2</sup>). Số tiền còn lại tương đương với 1,1 sào đã đổi cho gia đình ông Q, gia đình bà không được nhận vì gia đình bà đã đổi ruộng cho gia đình ông Q, còn việc gia đình ông Q đã nhận bồi thường, hỗ trợ đổi với 1,1 sào bị thu hồi chưa thì bà không biết.

Nay gia đình bà không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q. Gia đình bà đổi 2,1 sào ở Đ lấy 1,1 sào ở K của gia đình ông Q. Gia đình bà đã sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1,1 sào ở K. Như vậy 1 sào của gia đình bà vẫn ở trong ao của ông Q ở Đ. Nay nhà nước thu hồi đất ở Đ, gia đình bà được bồi thường 1 sào (360m<sup>2</sup>) là đúng.

\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện K trình bày: Theo hồ sơ địa chính năm 1994, hộ ông Lê Văn T1 được giao chia tại xứ Đồng Cỏ diện tích 756m<sup>2</sup> tại thửa số 1, tờ bản đồ 6 với 05 nhân khẩu được chia gồm: Ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn K, anh Lê Văn Đ1 và chị Lê Thị T3. Thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng ruộng trũng năm 2001, ông Q và ông T1 khai có đổi vị trí ruộng cho nhau để canh tác, sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật. Khu thực hiện dự án hạng mục san lấp Trung tâm nghỉ dưỡng tuộc dự án đầu tư xây dựng Khu D, trên cơ sở nguồn gốc sử dụng đất, đối tượng được giao đất theo quy định của pháp luật, UBND huyện K đã Phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ trên đất tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 (phương án lần 4- đất nông nghiệp) đồng thời thu hồi diện tích 756m<sup>2</sup> tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6 của hộ ông Lê Văn T1 tại quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 26/01/2018. Tổng số tiền theo phương án phê duyệt hộ ông T1 là 124.740.000 đồng. Về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T1 (Nguyễn Thị L) thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K trình bày: Theo hồ sơ quản lý đất đai, hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường hỗ trợ cho các hộ để thực hiện dự án tại khu vực Đ, xã K, hộ ông Lê Văn T1 có 765m<sup>2</sup> đất lúa tại thửa số 01 tờ bản đồ 06 tại xứ Đ với 06 khẩu được chia gồm: Ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn K, anh Lê Văn Đ1 và chị Lê Thị T3. Trong quá trình phổ hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan phân tích nguồn gốc đất đai của các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án trong đó có hộ ông Lê Văn T1 có diện tích đất bị thu hồi, theo trình bày của các bên giữa ông Q và ông T1 có việc đổi ruộng để canh tác nhưng không thông qua chính quyền địa phương để làm thủ tục. Ngày 26/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 872/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T1 (Nguyễn Thị L) ảnh hưởng bởi hạng mục san lấp khu Trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu D tỉnh Hà Nam thuộc địa phận xã K huyện K. Việc UBND huyện ban hành quyết định trên là đúng theo trình tự, quy định của pháp luật. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện K phê duyệt thì diện 756m<sup>2</sup> đất bị thu hồi tại thửa số 01 tờ bản đồ 06 đứng tên hộ ông Lê Văn T1 với số tiền được bồi thường hỗ trợ là 124.740.000 đồng và đang nằm trong tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Khi hai bên có thỏa thuận thành hoặc có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Trung tâm sẽ tổ chức chi trả tiền theo bản án

- UBND xã K, huyện K trình bày: Thực hiện Thông báo số 46/TB-UBND ngày 04/9/2015 của UBND huyện K về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng phục vụ dự án khu trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kinh tế Khu D, tỉnh Hà Nam. UBND xã K phối hợp với Ban giải phóng mặt bằng huyện (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K), thôn, xóm và chủ trang trại trong quá trình thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng tại địa phương theo quy định của pháp luật. Việc UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ông Trần Văn Q2 trình bày: Ông là em trai ruột của ông Trần Như Q. Năm 1998 khi Nhà nước cho phép làm kinh tế VAC ở vùng đất trũng, ông Q đã

dồn đổi toàn bộ diện tích đất hộ ông Q về khu vực Đ để làm VAC, trong đó ông Q đổi 1,1 sào ở K của gia đình ông Q lấy 2,1 sào ở Đ của gia đình ông T1. Sau khi đổi ruộng của hộ ông T1 và các hộ khác thì gia đình ông Q đào ao, thả cá, chăn nuôi... theo mô hình VAC tại Đ từ năm 1998 đến năm 2005, thì ông Q cho ông mượn toàn bộ diện tích đất ở Đ gồm 2,76 mẫu mà gia đình ông Q được giao chia và đổi của các hộ khác (trong đó có hộ ông T1) để ông tiếp tục làm kinh tế VAC. Việc mượn ruộng này không có văn bản giấy tờ, ông và ông Q chỉ nói miệng với nhau. Một mình ông làm VAC ở khu vực Đ của gia đình ông Q (vợ, con ông không tham gia). Đến đầu năm 2017, ông đã trả lại cho ông Q toàn bộ diện tích trên (cũng không lập văn bản giấy tờ gì). Trong thời gian mượn ruộng của gia đình ông Q, gia đình ông Q vẫn đóng sản phẩm cho hợp tác xã, ông chỉ sử dụng ruộng của gia đình ông Q chứ không phải đóng góp bất kỳ khoản gì cho ông Q, bản thân ông cũng không có công sức đóng góp, tôn tạo gì đối với khu kinh tế VAC tại Đ của hộ ông Q. Ông khẳng định toàn bộ diện tích đất 2,76 mẫu ở Đ trong đó có 2,1 sào gia đình ông Q đổi của gia đình ông T1 đều thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông Q, không liên quan gì đến ông. Ông chỉ mượn ruộng của gia đình ông Q làm kinh tế VAC. Ông đã trả lại gia đình ông Q toàn bộ diện tích đất nông nghiệp ở Đ nên ông không còn liên quan gì đến việc khởi kiện của ông Q.

- Bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn K, anh Lê Văn Đ1 và chị Lê Thị Thúy L1 có quan điểm như bà L đã trình bày.

- Người làm chứng ông Trần Văn D trình bày: Vào khoảng năm 1997 - 1998, khu vực Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam được phép làm kinh tế theo mô hình VAC thì rất nhiều hộ ở xóm I xã K đổi ruộng cho nhau để dồn đổi về khu vực Đ, trong đó có hộ ông Trần Như Q và hộ ông Lê Văn H2. Ngày tháng cụ thể ông không nhớ, nhưng khoảng năm 1998, hộ ông Q đã đổi 1,1 sào ở K (Đ) lấy 2,1 sào ở Đ của hộ ông H2. Việc đổi ruộng cho nhau chỉ có ông Q và ông H2 thỏa thuận và viết giấy với nhau, còn vợ ông Q, vợ ông H2 có tham gia hay không ông không biết. Ông nhớ lúc đó hai bên có lập một tờ giấy đổi ruộng viết tay với nội dung hộ ông H2 có 2,1 sào ở Đ đổi lấy 1,1 sào ở K của gia đình ông Q. Lúc đó ông là xóm trưởng có ký vào tờ giấy đổi ruộng này. Ông nhớ tờ giấy đổi ruộng của các hộ thời điểm đó thường có chữ ký của hai chủ hộ và ông chứng kiến chứ không có chữ ký của vợ, con của hai bên. Sau khi hai bên ký giấy đổi ruộng cho nhau thì toàn bộ giấy tờ đổi ruộng ông đã nộp cho ông T4 là địa chính xã (ông T4 đã chết). Việc nộp cho ông T4 không có biên bản giấy tờ gì để làm thủ tục cho các hộ được làm kinh tế VAC. Đến nay ông không có giấy tờ gì liên quan đến việc đổi ruộng để xuất trình cho Tòa án. Tại thời điểm đổi ruộng thì ruộng của hai bên không có cây cối, hoa màu gì trên đất. Sau khi hai bên đổi ruộng cho nhau thì gia đình ông Q đã nhận 2,1 sào ở Đ của gia đình ông

H2 để đào ao, làm kinh tế VAC, đóng thuế sử dụng đất đối với 2,1 sào này. Còn gia đình ông H2 nhận 1,1 sào ở Đ của gia đình ông Q để trồng lúa, đóng thuế sử dụng đất đối với 1,1 sào này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32, 173 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 3, điều 74 Luật đất đai năm 1993. Các Điều 101, 102, 103, 116, 117, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 74, Điều 83, Điều 167, Điều 190 Luật đất đai năm 2013. Án lệ số 40/2021/AL-HĐTP ngày 23/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông Trần Như Q và hộ ông Lê Văn T1 năm 1998.

- Công nhận hộ ông Trần Như Q được quyền sử dụng đất đối với diện tích 756m<sup>2</sup>, thửa đất số 01 tờ bản đồ số 06 tại Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 124.740.000đồng.

- Công nhận hộ ông Lê Văn T1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1,1 sào, số thửa 82, tờ bản 2a đồ tại xứ đồng Khúc Vĩ (Đ) tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Huỷ Quyết định thu hồi đất số 872/QĐ-UBND ngày 26/01/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 22/10/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Liên C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần Như Q. Tại phiên toà ông Bùi Văn M là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.



Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; án phí phúc bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người khởi kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, ý kiến của ông M đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử. Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, thì năm 1994 hộ ông Trần Như Q được Nhà nước giao chia quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với 3.779m<sup>2</sup> ở các xứ đồng khác nhau, trong đó có 828m<sup>2</sup>, thửa số 82, tờ bản đồ 2a tại xứ đồng Khúc Vĩ. Hộ ông Lê Văn T1 được nhà nước giao quyền sử dụng đất nông nghiệp 3.222m<sup>2</sup> ở các xứ đồng khác nhau trong đó có 756m<sup>2</sup> thửa đất số 1, tờ bản đồ 6 tại xứ Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và đều đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1998, thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất để làm trang trại theo mô hình VAC, hộ ông Trần Như Q đã đổi diện tích đất 1,1 sào ở K lấy 2,1 sào (756m<sup>2</sup>) đất nông nghiệp của hộ ông T1 ở Đ. Việc đổi ruộng này không có văn bản giấy tờ gì nhưng các bên đã bàn giao đất cho nhau trên thực địa, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và sử dụng ổn định phần diện tích đất được chuyển đổi, không ai có ý kiến hoặc tranh chấp gì. Sau khi đổi, ngày 21/5/2020, giữa ông Q và ông T1 lập Giấy chuyển đổi ruộng đất có chữ ký của ông Trần Như Q và ông Lê Đức T. Tại giấy chuyển đổi này, phần người đổi ông Lê Đức T ghi thêm “Tôi Lê Đức T có diện tích ruộng cấy ở Đ là 2,1 sào đổi cho anh Q 1,1 sào về Đ còn 01 sào hiện giờ vẫn ở ao anh Q” là không đúng so với



thực tế vì hai hộ đã sử dụng ruộng đổi cho nhau ổn định, không có tranh chấp. Sau khi thực hiện việc chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, hộ ông Trần Như Q đào ao, trồng cây cối, hoa màu, công trình khác trên đất, nộp thuế hàng năm theo quy định và cho ông Trần Văn Q2 sử dụng một thời gian nhưng hộ ông Lê Văn T1 không có ý kiến phản đối gì. Mặt khác theo như lời trình bày của các đương sự thì diện tích đất 1,1 sào ở K của nhà ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1. Vì vậy, việc giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông Q và hộ ông T1 đã hoàn thành. Song ông Lê Đức T lại cho rằng hộ ông Trần Như Q mới chuyển giao cho hộ ông Lê Văn T1 diện tích đất 1,1 sào ở K, còn thiếu so với diện tích hộ ông T1 chuyển giao 2,1 sào ruộng cho ông Q. Căn cứ vào các biên bản thỏa thuận chuyển đổi ruộng đất thể hiện hộ ông Q đổi 1,1 sào lấy 2,1 sào của hộ ông T1, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện hộ ông Q giao còn thiếu đất cho hộ ông T1. Mặt khác, từ khi chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp đến thời điểm xảy ra tranh chấp thì ông T1 cũng như vợ con ông T1 không có ý kiến gì yêu cầu hộ ông Q tiếp tục giao số đất còn thiếu nên việc bị đơn cho rằng hộ ông Q giao còn thiếu diện tích đất ruộng là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Như Q là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Vì vậy, bác toàn bộ đơn kháng cáo của bà L.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Công Đoàn**

